

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)

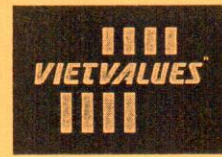
Công ty Thành viên của Reanda International

Địa chỉ đăng ký: 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, HCM.

Trụ sở văn phòng tại Tp.HCM: 156 – 158 Phó Quang, phường 9, Phú Nhuận.

Tel: +84 (8) 3 999 00 91~97 | Fax: + 84 (8) 3999 00 90

Email: info@vietvalues.com | Website: www.vietvalues.com



Mang tri thức phục vụ khách hàng

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH – HỢP NHẤT

CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 ĐẾN NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

R REANDA

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
(**VIETVALUES**)

Công ty Thành viên của Reanda International

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 05
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ	06 - 07
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017	08 - 09
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	10
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	11
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017	12 - 28



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Khái quát về Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm công ty mẹ là Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre và 01 công ty con.

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre sau đây gọi tắt là “Công ty”, tiền thân là doanh nghiệp nhà nước, được cổ phần hoá và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1300113091 (số cũ 5504000011) đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp, thay đổi lần thứ nhất ngày 09 tháng 03 năm 2010. Theo quyết định số 2136/QĐ-UBND ngày 23 tháng 10 năm 2014 và quyết định điều chỉnh số 2701/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre Công ty đã thực hiện việc xác định giá trị doanh nghiệp và tiến hành cổ phần hóa.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp bổ sung Giấy CNĐKKD lần 4 ngày 25/05/2016, về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Ngọc Triệu.

Công ty niêm yết trên sàn giao dịch UpCom với mã chứng khoán là BTU.

Vốn điều lệ: 36.000.000.000 đồng (ba mươi sáu tỷ đồng).

2. Trụ sở hoạt động

• Trụ sở chính

- Địa chỉ : 26 đường Nguyễn Trung Trực, Phường 1, Tp Bến Tre, Tỉnh Bến Tre.
- Điện thoại : + 84 (275) 3826 358
- Fax : + 84 (275) 3 3817 770
- Mã số thuế : 1 3 0 0 1 1 3 0 9 1

• Thông tin về Công ty con

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre	26 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	100%	100%	100%

3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nito;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Tái chế phế liệu phi kim loại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;
- Xây dựng nhà dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp các dịch vụ vệ sinh, thi công các công trình chiếu sáng, cây xanh, duy tu bảo trì cầu đường.

4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

4.1 Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Ngọc Triệu	Chủ tịch HĐQT	23/01/2015	-
Ông Nguyễn Tuấn Vũ	Thành viên	23/01/2015	-
Ông Lê Văn Vũ	Thành viên	23/01/2015	03/06/2017
Ông Nguyễn Thanh Phong	Thành viên	23/01/2015	-
Ông Ngô Trung Kiên	Thành viên	26/06/2015	-
Ông Đào Mạnh Hùng	Thành viên	03/06/2017	-

4.2 Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trịnh Văn Đâu	Trưởng Ban	27/04/2016	-
Ông Phạm An Huy	Thành viên	27/04/2016	-
Ông Nguyễn Hữu Thuận	Thành viên	27/04/2016	-

4.3 Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Ngô Trung Kiên	Tổng Giám đốc	01/07/2015	-
Ông Nguyễn Tuấn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	01/02/2015	-
Ông Lê Văn Vũ	Phó Tổng Giám đốc	15/10/2016	-
Bà Trần Thị Vân Nghi	Kế toán trưởng	15/10/2016	-

5. Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo này là ông Nguyễn Ngọc Triệu – Chủ tịch Hội đồng Quản trị.



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Theo Giấy ủy quyền số 16/GUQ-CTĐT ngày 01 tháng 06 năm 2016, Tổng Giám đốc là người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng Quản trị để trực tiếp điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty (theo điều lệ Công ty và nội dung quy định cụ thể tại Điều 5, Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty); trừ nội dung công việc đã ủy quyền cho Phó Tổng Giám đốc.

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 08 đến trang 28.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, Báo cáo tài chính của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Tập đoàn.

9. Xác nhận của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các sổ kế toán có liên quan, thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, tình hình hoạt động hợp nhất của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Báo cáo của Hội đồng Quản trị (tiếp theo)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

10. **Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi, các thành viên Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



NGUYỄN NGỌC TRIỆU

Chủ tịch

Bến Tre, ngày 31 tháng 07 năm 2017.

1300113091

Số: 2300A/17/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của công ty mẹ là Công ty CP Công trình Đô thị Bến Tre và công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”), được lập ngày 31 tháng 07 năm 2017, từ trang 08 đến trang 28, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và các Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đỉnh kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 30 tháng 06 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 07 năm 2017.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)



Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNDKHN kiểm toán số 1512-2013-071-1

Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VIETVALUES

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

DVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		37.151.691.202	42.767.556.143
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	13.231.345.014	9.620.207.987
111	1. Tiền		2.480.871.562	1.334.536.288
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.750.473.452	8.285.671.699
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	V.2	270.000.000	-
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		270.000.000	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		18.783.282.093	26.554.419.789
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	20.091.519.847	27.638.970.789
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	V.4	273.681.826	497.368.580
137	3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(1.581.919.580)	(1.581.919.580)
140	IV. Hàng tồn kho	V.6	4.625.803.919	6.291.523.161
141	1. Hàng tồn kho		4.625.803.919	6.291.523.161
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		241.260.176	301.405.206
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	241.260.176	301.187.436
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	217.770
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		10.667.250.524	10.968.401.903
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	II. Tài sản cố định		8.560.596.725	7.860.353.932
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	8.560.596.725	7.860.353.932
222	- Nguyên giá		21.026.736.595	19.074.518.640
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.466.139.870)	(11.214.164.708)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		32.603.146	160.827.965
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.9	32.603.146	160.827.965
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		-	-
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.074.050.653	2.947.220.006
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	2.074.050.653	2.947.220.006
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		47.818.941.726	53.735.958.046

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: Số 26 Nguyễn Trung Trực, Phường 1, TP.Bến Tre, Tỉnh Bến Tre

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.129.345.500	11.910.033.325
310	I. Nợ ngắn hạn		6.129.345.500	11.910.033.325
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.10	1.428.339.920	2.495.234.843
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.11	900.334.456	2.191.440.909
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.12	1.296.127.937	2.124.399.156
314	4. Phải trả người lao động		1.154.376.659	3.125.332.113
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		137.157.372	636.653.412
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.13	759.361.288	36.335.753
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.14	453.647.868	1.300.637.139
330	II. Nợ dài hạn		-	-
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		41.689.596.226	41.825.924.721
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.15	41.391.818.937	41.505.241.490
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		36.000.000.000	36.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		36.000.000.000	36.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.856.319.732	1.856.319.732
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		3.535.499.205	3.648.921.758
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		48.921.758	41.920.179
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		3.486.577.447	3.607.001.579
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		297.777.289	320.683.231
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	V.16	297.777.289	320.683.231
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		47.818.941.726	53.735.958.046

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bến Tre ngày 31 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

NGÔ TRUNG KIÊN



KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	30.016.777.606	21.459.975.279
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.016.777.606	21.459.975.279
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	21.431.789.886	14.515.711.439
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.584.987.720	6.944.263.840
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	186.636.055	79.309.254
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.4	4.384.707.174	3.411.750.792
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.386.916.601	3.611.822.302
31	11. Thu nhập khác		1.363.829	596.454
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		1.363.829	596.454
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.388.280.430	3.612.418.756
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.13	901.702.983	747.037.557
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.486.577.447	2.865.381.199
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.5.1	794	677
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.5.2	794	677

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

NGÔ TRUNG KIÊN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		4.388.280.430	3.612.418.756
	2. Điều chỉnh cho các khoản		1.065.339.107	1.007.789.195
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư		1.251.975.162	1.087.098.449
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(186.636.055)	(79.309.254)
06	- Chi phí lãi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		5.453.619.537	4.620.207.951
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		7.771.355.466	3.864.858.380
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.665.719.242	(482.429.438)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(6.128.696.775)	(5.565.156.434)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		933.096.613	1.225.714.513
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(443.321.704)	(1.292.672.411)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		4.840.000	1.241.699.364
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(851.829.271)	(1.135.040.924)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		8.404.783.108	2.477.181.001
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.830.282.136)	(545.431.818)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(270.000.000)	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		186.636.055	79.309.254
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.913.646.081)	(466.122.564)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(2.880.000.000)	(2.926.800.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.880.000.000)	(2.926.800.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		3.611.137.027	(915.741.563)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		9.620.207.987	16.659.066.540
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	13.231.345.014	15.743.324.977

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bến Tre, ngày 31 tháng 07 năm 2017

Tổng Giám đốc

TRẦN THỊ HỒNG MAI

TRẦN THỊ VÂN NGHI

NGÔ TRUNG KIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 của Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre và 01 công ty con (sau đây gọi là “Tập đoàn”).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là xây dựng công trình và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh;
- Nhận và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Thu gom rác thải không độc hại;
- Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại;
- Tái chế phế liệu phi kim loại;
- Xử lý ô nhiễm và hoạt động chất thải khác;
- Xây dựng nhà dân dụng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình công ích;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán buôn nông lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề;
- Tư vấn giám sát công tác thi công xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật.

Hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các dịch vụ vệ sinh, thi công các công trình chiếu sáng, cây xanh, duy tu bảo trì cầu đường.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ TỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. **Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất**
Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ.
6. **Các công ty con được hợp nhất**
Tổng số công ty con: 01 công ty.
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01 công ty.

Công ty con bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Phát triển Đô thị Bến Tre	26 đường Nguyễn Huệ, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre	Dịch vụ chăm sóc cây xanh công viên, hệ thống chiếu sáng công cộng	100,00%	100,00%	100,00%

7. **Số lượng nhân viên**
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn có 175 nhân viên, tại ngày đầu năm có 174 nhân viên.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo này được lập cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VNĐ) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VNĐ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng hệ thống Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Công ty con. Các báo cáo tài chính của Công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với Công ty mẹ, áp dụng các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của Công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ TỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính nhất quán giữa Công ty con và Công ty mẹ.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp không thể thu hồi chi phí.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi các cổ đông của Công ty và được trình bày ở mục riêng trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ nắm quyền kiểm soát và sẽ chấm dứt hợp nhất kể từ ngày Công ty mẹ không còn kiểm soát Công ty con đó. Trong trường hợp Công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát Công ty con thì các báo cáo tài chính hợp nhất sẽ bao gồm cả kết quả kinh doanh của giai đoạn thuộc kỳ báo cáo mà trong giai đoạn đó Công ty mẹ vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Báo cáo tài chính của Công ty con thuộc đối tượng hợp nhất kinh doanh dưới sự kiểm soát chung được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo phương pháp cộng giá trị sổ kế toán. Báo cáo tài chính của Công ty con khác được hợp nhất vào báo cáo của Công ty mẹ theo phương pháp mua, theo đó tài sản và nợ phải trả được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ TỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho của hoạt động xây lắp và các loại hàng tồn kho khác được tính theo phương pháp đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

5. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

Lợi thế kinh doanh

Giá trị lợi thế kinh doanh được xác định lại theo biên bản xác định lại giá trị doanh nghiệp tại thời điểm thay đổi loại hình doanh nghiệp được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ TỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 20
Máy móc và thiết bị	05 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	06

7. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

8. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

9. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty mẹ và Công ty con cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

10. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ: chiếu sáng công cộng, công viên cây xanh, duy tu cầu đường, vệ sinh đô thị

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ TỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng: công trình xây dựng cơ bản, công trình chiếu sáng, công trình cây xanh

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.
- Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.
- Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

11. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

12. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác

13. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ TỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	101.689.796	118.721.679
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.379.181.766	1.215.814.609
- Các khoản tương đương tiền (*)	10.750.473.452	8.285.671.699
Cộng	<u>13.231.345.014</u>	<u>9.620.207.987</u>

(*) Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bến Tre	270.000.000	-
Cộng	<u>270.000.000</u>	<u>-</u>

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	20.091.519.847	27.638.970.789
- Phòng Quản lý Đô thị Thành phố Bến Tre	6.780.477.181	11.217.264.609
- Công ty CP Công trình Thương mại Giao Thông Vận Tải	2.229.347.760	2.989.954.700
- BQL Dự án Đầu tư Xây dựng huyện Chợ Lách	1.835.295.000	1.985.295.000
- BQL Dự án Đầu tư Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre (theo ủy quyền của Công ty CP Đầu tư XD TM MISECO)	1.056.767.000	1.773.176.000
- BQL các Dự án Công trình Giao thông Long An	285.562.601	1.471.569.601
- Các khách hàng khác	7.904.070.305	8.201.710.879
Cộng	<u>20.091.519.847</u>	<u>27.638.970.789</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ TỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**4. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Phải thu tổ chức, cá nhân khác</i>	273.681.826	-	497.368.580	-
- Các khoản tạm ứng của nhân viên	193.000.000	-	245.810.740	-
- Các khoản ký quỹ ngắn hạn	-	-	188.000.000	-
- Các khoản phải thu ngắn hạn khác	80.681.826	-	63.557.840	-
Cộng	273.681.826	-	497.368.580	-

5. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Phải thu thương mại</i>						
- Ban Quản lý đầu tư xây dựng huyện Chợ Lách	Trên 3 năm	1.207.647.500	-	Trên 3 năm	1.207.647.500	-
- Công ty CP Xây dựng Công trình Giao thông Bến Tre	Trên 3 năm	374.272.080	-	Trên 3 năm	374.272.080	-
Cộng		1.581.919.580	-		1.581.919.580	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	58.014.630	-	-	-
- Công cụ, dụng cụ	154.580.694	-	201.389.086	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ^(*)	4.366.320.318	-	6.043.245.798	-
- Hàng hóa	46.888.277	-	46.888.277	-
Cộng	4.625.803.919	-	6.291.523.161	-

^(*) Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Công trình sửa chữa đường liên xã Phú Mỹ - Phú Ngãi, H.Mỏ Cày Bắc	559.983.538	-
- Công trình mở rộng bãi rác Phú Hưng 2016	544.386.806	-
- Công trình sửa chữa đường ĐH 18 huyện Mỏ Cày Bắc	406.436.490	130.814.954
- Công trình đường từ Phú Khương - Phường 8 đến Khu phố 6, Phường Phú Khương	403.228.900	-
- Công trình trồng cây xanh đường Nguyễn Văn Nguyễn - Phạm Ngọc Thảo	310.406.524	269.819.151
- Công trình chiếu sáng cây xanh đường tỉnh 883 từ cầu Rạch Miễu đến ngã tư An Hóa (đoạn từ km 4+500 đến km 8+000)	-	5.310.657.778
- Các công trình khác	2.141.878.060	331.953.915
Cộng	4.366.320.318	6.043.245.798

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ TỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Chi phí trả trước ngắn hạn và dài hạn****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công cụ, dụng cụ quản lý, máy móc thiết bị	241.260.176	301.187.436
- Khác	-	-
Cộng	<u>241.260.176</u>	<u>301.187.436</u>

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước ngắn hạn:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	301.187.436	293.265.609
Tăng trong kỳ	56.062.512	165.487.609
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	(115.989.772)	(235.664.565)
Số dư cuối kỳ	<u>241.260.176</u>	<u>223.088.653</u>

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Giá trị lợi thế kinh doanh	1.319.099.958	2.449.757.076
- Chi phí trả trước dài hạn khác	754.950.695	497.462.930
Cộng	<u>2.074.050.653</u>	<u>2.947.220.006</u>

Tình hình tăng, giảm chi phí trả trước dài hạn:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	2.947.220.006	5.285.034.508
Tăng trong kỳ	342.561.066	57.827.008
Kết chuyển vào chi phí trong kỳ	(1.215.730.419)	(1.194.628.465)
Số dư cuối kỳ	<u>2.074.050.653</u>	<u>4.148.233.051</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình					
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	5.659.141.338	2.243.785.722	11.095.479.585	76.111.995	19.074.518.640
Tăng trong kỳ	-	-	1.828.619.636	-	1.828.619.636
- Kết chuyển tăng từ XDCB	123.598.319	-	1.828.619.636	-	1.952.217.955
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	5.782.739.657	2.243.785.722	12.924.099.221	76.111.995	21.026.736.595
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	103.853.000	682.519.762	76.111.995	862.484.757
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.194.473.773	1.175.842.523	7.767.736.417	76.111.995	11.214.164.708
Khấu hao trong kỳ	227.359.028	133.176.786	891.439.348	-	1.251.975.162
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.421.832.801	1.309.019.309	8.659.175.765	76.111.995	12.466.139.870
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	3.464.667.565	1.067.943.199	3.327.743.168	-	7.860.353.932
Số cuối kỳ	3.360.906.856	934.766.413	4.264.923.456	-	8.560.596.725

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	15.145.000	1.830.282.136	(1.828.619.636)	(6.289.000)	10.518.500
Xây dựng cơ bản dở dang	145.682.965	-	(123.598.319)	-	22.084.646
Cộng	160.827.965	1.830.282.136	(1.952.217.955)	(6.289.000)	32.603.146

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>1.428.339.920</i>	<i>2.495.234.843</i>
- Công ty CP Đô thị Tân An	496.296.121	1.623.002.121
- DNTN Xây dựng Hồng Minh	470.042.000	470.042.000
- Các người bán khác	462.001.799	402.190.722
Cộng	1.428.339.920	2.495.234.843

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

Chủ yếu là các khoản ứng trước tiền để thi công công trình mở rộng bãi rác.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	900.334.456	2.191.440.909
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Hồng Minh	497.075.220	-
- Ban QLDA chuyên ngành GTVT	-	2.191.340.000
- Khu Quản lý Giao thông Đô thị số 1	279.178.000	-
- Các đối tượng khác	124.081.236	100.909
Cộng	<u>900.334.456</u>	<u>2.191.440.909</u>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Số phát sinh trong kỳ</u>		<u>Số cuối kỳ</u>	
	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>	<u>Số phải nộp</u>	<u>Số đã nộp</u>	<u>Phải nộp</u>	<u>Phải thu</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	485.533.680	-	636.825.060	(651.001.876)	471.356.864	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	323.745.794	-	901.702.983	(443.321.704)	782.127.073	-
- Thuế thu nhập cá nhân	22.460.740	-	44.924.000	(24.740.740)	42.644.000	-
- Thuế nhà đất, thuế đất	-	(217.770)	23.621.419	(23.403.649)	-	-
- Thuế bảo vệ môi trường	1.292.658.942	-	-	(1.292.658.942)	-	-
- Thuế môn bài	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	<u>2.124.399.156</u>	<u>(217.770)</u>	<u>1.610.073.462</u>	<u>(2.438.126.911)</u>	<u>1.296.127.937</u>	<u>-</u>

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ TỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

Chỉ tiêu	Số tiền
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.388.280.430
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	120.234.483
- Các khoản điều chỉnh tăng	120.234.483
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Thu nhập chịu thuế	4.508.514.913
Thu nhập được miễn thuế	-
Lỗi các năm trước được chuyển	-
Thu nhập tính thuế	4.508.514.913
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	901.702.983
Thuế thu nhập doanh nghiệp thuộc bên liên doanh	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	-
Tổng Thuế TNDN phải nộp	901.702.983

13. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	759.361.288	36.335.753
- Kinh phí công đoàn	39.361.288	36.335.753
- Cổ tức phải trả	720.000.000	-
Cộng	759.361.288	36.335.753

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>		<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
		<u>Tăng khác</u>			
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.300.637.139	-	4.840.000	(851.829.271)	453.647.868
Cộng	1.300.637.139	-	4.840.000	(851.829.271)	453.647.868

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ TỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu**15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4
1. Số dư đầu năm trước	36.000.000.000	900.945.819	2.968.720.179	39.869.665.998
2. Tăng trong năm trước		955.373.913	5.571.119.651	6.526.493.564
- Lãi/Lỗ trong năm	-	-	5.571.119.651	5.571.119.651
- Bổ sung từ lợi nhuận	-	955.373.913	-	955.373.913
3. Giảm trong năm trước	-	-	(4.890.918.072)	(4.890.918.072)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	(955.373.913)	(955.373.913)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(1.008.744.159)	(1.008.744.159)
- Chia cổ tức	-	-	(2.926.800.000)	(2.926.800.000)
4. Số dư cuối năm trước	36.000.000.000	1.856.319.732	3.648.921.758	41.505.241.490
5. Số dư đầu năm nay	36.000.000.000	1.856.319.732	3.648.921.758	41.505.241.490
6. Tăng trong kỳ	-	-	3.486.577.447	3.486.577.447
- Lãi từ hoạt động sản xuất kinh doanh	-	-	3.486.577.447	3.486.577.447
7. Giảm trong kỳ	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
- Chia cổ tức	-	-	3.600.000.000	3.600.000.000
Số dư cuối kỳ	36.000.000.000	1.856.319.732	3.535.499.205	41.391.818.937

15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Bến Tre (Đại diện vốn góp của Nhà nước)	21.600.000.000	60,00	26.897.000.000	74,71
- Công ty TNHH Thương mại và Thiết bị Môi trường Hiệp Hòa	5.297.000.000	14,71	-	-
- Các cổ đông khác	9.103.000.000	25,29	9.103.000.000	25,29
Cộng	36.000.000.000	100	36.000.000.000	100

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
		36.000.000.000	36.000.000.000
Cộng	36.000.000.000	36.000.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ TỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	36.000.000.000	36.000.000.000
+ Vốn góp cuối kỳ	36.000.000.000	36.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.600.000.000	2.926.800.000

15d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu phổ thông	3.600.000	3.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.

16. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định

Là tài sản cố định (dây chuyền thiết bị phân loại rác) được hình thành từ đề án nghiên cứu khoa học công nghệ do nguồn ngân sách cấp.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Doanh thu các công trình	7.348.169.661	2.267.859.628
+ Công trình xây dựng cơ bản	30.850.340	620.334.546
+ Công trình chiếu sáng	7.145.127.578	1.618.219.627
+ Công trình cây xanh	15.000.000	29.305.455
+ Công trình khác	157.191.743	-
- Doanh thu dịch vụ công ích	22.605.803.398	19.027.797.035
+ Chiếu sáng công cộng	1.487.882.375	1.433.330.300
+ Công viên cây xanh	8.389.743.325	7.011.254.947
+ Duy tu cầu đường	2.626.836.758	1.686.369.753
+ Vệ sinh đô thị	10.101.340.940	8.896.842.035
- Doanh thu khác	62.804.547	164.318.616
Cộng	30.016.777.606	21.459.975.279

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ TỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá vốn của các công trình	5.969.521.486	1.846.409.589
+ Công trình xây dựng cơ bản	18.514.194	451.526.153
+ Công trình chiếu sáng	5.856.303.823	1.383.413.436
+ Công trình cây xanh	10.140.000	11.470.000
+ Công trình khác	84.563.469	
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.423.842.326	12.496.840.886
+ Chiếu sáng công cộng	1.025.107.063	943.302.060
+ Công viên cây xanh	5.144.142.640	4.073.728.517
+ Duy tu cầu đường	2.052.903.542	1.354.475.755
+ Vệ sinh đô thị	7.201.260.373	6.125.334.554
- Giá vốn các hoạt động khác	38.426.074	172.460.964
Cộng	21.431.789.886	14.515.711.439

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng.

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí cho nhân viên	1.992.232.920	1.215.884.026
- Chi phí đồ dùng văn phòng	105.738.173	-
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	67.361.012	112.197.449
- Thuế, phí và lệ phí	25.621.419	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	52.826.728	16.285.257
- Các chi phí khác	2.140.926.922	2.067.384.060
Cộng	4.384.707.174	3.411.750.792

5. Lãi trên cổ phiếu

5.1 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.486.577.447	2.865.381.199
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi ^(*)	(629.525.772)	(429.807.180)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.857.051.675	2.435.574.019
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	3.600.000	3.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP)	794	677

^(*) Tỷ lệ tạm trích là 18,49% theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên 2017

11/7/2017 5:54:10 PM

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ TỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5.2 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.486.577.447	2.865.381.199
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(629.525.772)	(429.807.180)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.857.051.675	2.435.574.019
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ (CP)	3.600.000	3.600.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cp)	794	677

6. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.713.882.101	3.312.113.530
- Chi phí nhân công	10.362.636.162	6.986.411.233
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.251.975.162	1.087.098.449
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	991.481.657	996.357.568
- Chi phí khác	4.499.698.877	6.068.181.173
Cộng	24.819.673.959	18.450.161.953

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Nợ tiềm tàng

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải thanh toán.

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt (bao gồm các Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Kỳ này	Kỳ trước
Lương	628.800.000	460.800.000
Thù lao, khác	105.200.000	106.080.000
Cộng	734.000.000	566.880.000

3. Báo cáo bộ phận

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG TRÌNH ĐÔ THỊ BẾN TRE

Địa chỉ: 26 Nguyễn Trung Trực, phường 1, Tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

- Thi công công trình.
- Dịch vụ công ích.

Kỳ này	Thi công công trình	Dịch vụ công ích	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	7.410.974.208	22.605.803.398	30.016.777.606
Giá vốn hàng bán	6.007.947.560	15.423.842.326	21.431.789.886
Lợi nhuận gộp	1.403.026.648	7.181.961.072	8.584.987.720

Kỳ trước	Thi công công trình	Dịch vụ công ích	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.432.178.244	19.027.797.035	21.459.975.279
Giá vốn hàng bán	2.018.870.553	12.496.840.886	14.515.711.439
Lợi nhuận gộp	413.307.691	6.530.956.149	6.944.263.840

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho giai đoạn tài chính từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 06 năm 2017 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Bến Tre, ngày 31 tháng 07 năm 2017.

Người lập biểu

TRẦN THỊ HỒNG MAI

Kế toán trưởng

TRẦN THỊ VÂN NGHI

Tổng Giám đốc



NGÔ TRUNG KIÊN